

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2018
của Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thỏa thuận quan hệ đối tác ký kết ngày 21/6/2016 giữa UBND tỉnh Bình Định với Bộ Ngoại giao và Thương mại New Zealand và Viện Nghiên cứu Cây trồng và Thực phẩm New Zealand;

Căn cứ Văn bản số 2544/UBND-KT ngày 23/6/2016 của UBND tỉnh về chủ trương ký kết Hợp đồng Dịch vụ kỹ thuật Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định do Chính phủ New Zealand tài trợ;

Căn cứ Hợp đồng Dịch vụ kỹ thuật Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định ký ngày 24/6/2016 giữa Viện Nghiên cứu Cây trồng và Thực phẩm New Zealand với Sở Nông nghiệp và PTNT do Chính phủ New Zealand tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 3438/QĐ/UBND ngày 28/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động tổng thể 5 năm (2016-2021) của Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Thư không phản đối ngày 24/01/2018 của Viện Nghiên cứu Cây trồng và Thực phẩm New Zealand về việc thống nhất với Kế hoạch hoạt động và kinh phí năm 2018 của Dự án Rau An toàn tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 33/BC-SKHĐT ngày 31/01/2018;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định như sau:

- 1. Tên dự án:** Dự án Rau an toàn tỉnh Bình Định.
- 2. Chủ quản dự án:** Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.
- 3. Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định.
- 4. Thời gian thực hiện dự án:** Năm 2018.
- 5. Nội dung các hoạt động thực hiện dự án năm 2018**

- Xây dựng hệ thống sản xuất và xử lý thu hoạch rau an toàn đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng/an toàn thực phẩm rõ ràng.

- Xây dựng năng lực cho Sở Nông nghiệp và PTNT.
- Hỗ trợ cơ sở hạ tầng chuỗi cung ứng và nông dân.
- Đào tạo các đối tượng tham gia dự án, thực hiện hệ thống rau an toàn.
- Cải thiện việc thực thi các quy định về hóa chất nông nghiệp và nâng cao nhận thức cộng đồng.
- Xây dựng và thực hiện chiến lược tiếp thị và thương hiệu đối với rau an toàn của dự án sản xuất.
- Quản trị hành chính, quản lý Đối tác, quản lý dự án, giám sát và đánh giá.

6. Nguồn kinh phí thực hiện: 9.883.478.000 đồng (tương đương 617.717,5 NZD)

Trong đó:

- Kinh phí viện trợ không hoàn lại của NZAID: 9.260.478.000 đồng (tương đương 578.780 NZD)
- Kinh phí đối ứng của tỉnh: 623.000.000 đồng (tương đương 38.937,5 NZD)

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và nhà tài trợ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Vũ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10 (12b).



Trần Châu



Phụ lục

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 CỦA DỰ ÁN RAU AN TOÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số **381** /QĐ-UBND ngày **05/02/2018** của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hoạt động	Kinh phí phê duyệt	
		Tính theo VNĐ (Đồng)	Tính theo tiền New Zealand (NZD)
A	NGUỒN VỐN NZAID/PFR TÀI TRỢ (Viện Nghiên cứu cây trồng và thực phẩm New Zealand)	9.260.478.000	578.780
1	Xây dựng hệ thống sản xuất và xử lý sau thu hoạch rau an toàn đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng/an toàn thực phẩm rõ ràng	780.000.000	48.750
2	Xây dựng năng lực cho Sở Nông nghiệp và PTNT	824.000.000	51.500
3	Hỗ trợ cơ sở hạ tầng chuỗi cung ứng và nông dân	4.556.670.000	284.792
4	Đào tạo các đối tượng tham gia dự án; Thực hiện hệ thống rau an toàn	1.721.664.000	107.604
5	Cải thiện việc thực thi các quy định về hoá chất nông nghiệp và nâng cao nhận thức cộng đồng	1.114.416.000	69.651
6	Quản trị hành chính, Quản lý Đối tác, Quản lý Dự án, Giám sát và Đánh giá	263.728.000	16.483
B	NGUỒN VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH TỈNH BÌNH ĐỊNH	623.000.000	38.937,5
1	Lương 4 cán bộ làm việc chuyên trách (Cán bộ kế toán, Cán bộ phiên dịch, nhân viên lái xe, cán bộ kỹ thuật kiêm kế hoạch)	275.000.000	17.187,5
2	Phụ cấp làm việc kiêm nhiệm	235.000.000	14.687,5
3	Chi phí vận hành văn phòng	113.000.000	7.062,5
	TỔNG CỘNG	9.883.478.000	617.717,50

Ghi chú: 1NZD = 16.000 VNĐ

Ulla